

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ X  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/DS-ST  
Ngày: 28-01-2021  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thùy Giang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Tường Vi

2. Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Không tham gia

Ngày 27 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 246/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 421/2020/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Th, sinh năm 1962

Cư trú: Số 5A2, đường Tr, khóm T, phường Đ, thành phố X, tỉnh An Giang

2. *Bị đơn:* Bà Trương Thị Ph, sinh năm 1968

Cư trú: Lô 17 đường D, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang

*Tại phiên tòa, bà Bùi Thị Th có mặt, bà Trương Thị Ph vắng mặt*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình làm việc, hòa giải, giải quyết vụ án, bà Bùi Thị Th trình bày:*

Thông qua người giới thiệu nên bà Th quen biết bà Trương Thị Ph và đồng ý cho bà Ph vay tiền nhiều lần với số tiền lần lượt là:

- Lần 1 vay 50.000.000 đồng vào ngày 04 tháng 02 năm 2020, đã trả được 45.000.000 đồng

- Lần 2 vay thêm 20.000.000 đồng ngày 20 tháng 02 năm 2020 âm lịch

Tổng cộng bà Ph còn nợ bà Th 25.000.000 đồng

Khi cho vay hai bên có làm biên nhận và thỏa thuận lãi 5%/tháng, nhưng bà Ph chưa đóng lãi.

Hiện nay bà Ph cứ trốn tránh không chịu trả nợ, rất nhiều lần bà Th gọi điện hoặc nhắn tin cho bà Ph đều không trả lời.

Nay bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Ph trả cho bà 25.000.000 đồng tiền vốn gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2020 âm lịch cho đến khi trả nợ xong.

*Bị đơn bà Trương Thị Ph:* Vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;
- Bà Ph vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vốn lãi đã cho vay. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố X, tỉnh An Giang. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Trương Thị Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Nguyên đơn bà Bùi Thị Th căn cứ vào Giấy mượn tiền ngày 04 tháng 02 năm 2020 và Biên nhận không ghi ngày, tháng, năm để khởi kiện yêu cầu bà Trương Thị Ph trả số tiền vay còn nợ là 25.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Đối với Giấy mượn tiền ngày 04 tháng 02 năm 2020 có chữ ký, chữ viết của bà Ph thể hiện bà Ph có vay bà Th số tiền 50.000.000 đồng; bà Th thừa nhận bà Ph đã trả được cho bà được 45.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại 5.000.000 đồng. Đối với Biên nhận không ghi ngày, tháng, năm có chữ ký của bà Ph và ghi rõ bà Ph là người vay số tiền 20.000.000 đồng; Bà Th xác định ngày cho vay tiền là ngày 20 tháng 02 năm 2020 âm lịch (tức ngày 13 tháng 3 năm 2020) và bà Ph chưa trả cho bà toàn bộ số tiền này. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng bà Ph đều vắng mặt và không cung cấp ý kiến đối với Giấy mượn tiền và Biên nhận mà bà Th cung cấp, không có ý kiến phản bác đối với số tiền cho vay, số tiền đã thanh toán, số tiền còn nợ lại. Do đó, giao dịch vay tài sản giữa các bên đã được xác lập trên sự tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay ép buộc nên là giao dịch hợp pháp và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên. Sau khi vay tiền bà Ph chỉ thanh toán được một phần, còn nợ lại 25.000.000 đồng và không tiếp tục thanh toán khi bà Th có yêu cầu là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Th là có căn cứ.

[3.2] Đối với yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật đối với số tiền còn nợ. Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Ph là người chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy, bà Ph phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bà Th cho rằng hai bên khi vay tiền có thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng. Tuy nhiên, theo Giấy mượn tiền và Biên nhận bà Th cung cấp đều không thể hiện việc các bên có thỏa thuận về lãi suất, bà Ph không cung cấp ý kiến thừa nhận hay phản đối việc thỏa thuận lãi suất như bà Th trình bày. Do đó, theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bà Ph phải chịu lãi suất chậm trả từ ngày 13 tháng 3 năm 2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (28 tháng 01 năm 2021) cụ thể:  $25.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 322 \text{ ngày} = 2.205.500 \text{ đồng}$ .

[3.3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Th:

Buộc bà Trương Thị Ph có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị Th số tiền 25.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả 2.205.500 đồng. Tổng cộng là 27.205.500 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà Th không phải chịu tiền án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà Ph phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Các Điều 357, 463, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Th đối với bà Trương Thị Ph.
- Buộc bà Trương Thị Ph có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị Th số tiền 27.205.500 đồng (hai mươi bảy triệu hai trăm linh năm nghìn năm trăm đồng), trong đó tiền vốn là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi 2.205.500 đồng (hai triệu hai trăm linh năm nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trương Thị Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.360.000 đồng (một triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

Bà Bùi Thị Th được nhận lại 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005614 ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X, tỉnh An Giang.

- Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND t. An Giang (1);
- VKSND tp. X (2);
- Chi cục THADS tp. X (1);
- Các đương sự (3);
- Văn phòng (4);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thùy Giang**